|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN**

**Phát triển giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Hà Tĩnh**

**đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

**Phần thứ nhất**

**MỞ ĐẦU**

1. **Sự cần thiết phải ban hành đề án**

Thời gian qua, thực hiện NQ 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/12/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh (khóa XVII) về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và những năm tiếp theo" lĩnh vực giáo dục mầm non và phổ thông Hà Tĩnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được kết quả khá toàn diện. Hệ thống trường lớp được qui hoạch lại một cách hợp lý hơn vừa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân vừa có qui mô phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Tích cực triển khai nhiều hoạt động đổi mới giáo dục. Chất lượng giáo dục toàn diện cơ bản được giữ vững, giáo dục mũi nhọn đạt kết quả tốt nằm trong tốp dẫn đầu cả nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu lĩnh vực giáo dục mầm non và phổ thông còn có một số khó khăn, hạn chế. Nhận thức về chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ quản lý và giáo viên trong ngành giáo dục chưa cao, triển khai còn lúng túng. Nhiều trường học có qui mô quá nhỏ trong khi một số trường quá tải về số lượng học sinh. Chất lượng giáo dục toàn diện ở một số trường học còn hạn chế, chất lượng dạy học ngoại ngữ còn thấp. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thiếu đồng bộ về số lượng, cơ cấu, một bộ phận hạn chế về phẩm chất đạo đức, nhận thức, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, còn ngại khó, ngại đổi mới. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở nhiều trường học còn khó khăn, thiếu thốn. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; một số chính sách phát triển giáo dục thiếu tính khả thi. Xã hội hoá giáo dục còn nhiều hạn chế, vướng mắc.

Để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai có hiệu quả chương trình, sách giáo khoa mới; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời gian tới, cần thiết phải xây dựng Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

1. **Căn cứ pháp lý xây dựng đề án**

- Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 của Quốc hội;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định Số: 115/2010/NĐ-CP, ngày 24/12/2010 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lí về giáo dục;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020;

- Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

- Chương trình hành động số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/12/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh (khóa XVII) về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và những năm tiếp theo;

**III. Phạm vi, nội dung của đề án**

1. **Phạm vi:** Lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
2. **Nội dung:**

* Đánh giá tình hình giáo dục mầm non và phổ thông (kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân) giai đoạn 2012 - 2017;
* Xác định mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp phát triển giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2018 – 2025 và những năm tiếp theo.

**IV. Cấu trúc đề án**

* Phần thứ nhất: Mở đầu
* Phần thứ hai: Đánh giá tình hình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2012-2017.
* Phần thứ ba: Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp.
* Phần thứ tư: Tổ chức thực hiện.

**Phần thứ hai**

**TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TỈNH HÀ TĨNH**

**GIAI ĐOẠN 2012-2017**

**I. Kết quả đạt được**

**1.  Quy hoạch hệ thống trường lớp**

Hệ thống trường mầm non và phổ thông được quy hoạch khá hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và có điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 phê duyệt "Đề án quy hoạch hệ thống trường mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020". Sau khi Đề án được phê duyệt cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến xã và toàn ngành giáo dục tích cực triển khai quyết liệt chủ trương qui hoạch lại trường mầm non và phổ thông theo hướng mỗi xã có một trường mầm non, một trường tiểu học, sáp nhập các trường THCS thành trường liên xã, thành lập trường liên cấp tiểu học và THCS, giải thể các trường THPT có qui mô nhỏ.

Đến năm 2015 hệ thống trường mầm non và phổ thông cơ bản được sắp xếp lại theo đúng phương án và lộ trình đã đề ra. Toàn tỉnh chỉ còn 728 trường mầm non và phổ thông, trong đó công lập 713 trường; giảm so với năm học 2011-2012 là 86 trường, trong đó công lập giảm 94 trường, ngoài công lập tăng 8 trường. Hiện nay cơ bản mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trường mầm non công lập và 01 trường tiểu học công lập (có 5 xã, phường, thị trấn có 2 trường tiểu học là: Kỳ Thịnh, Kỳ Khang, Nghèn, Hà Linh, Cương Gián), có 8 trường TH&THCS, 143 trường THCS (trong đó có 79 trường liên xã), 38 trường THPT công lập, 01 trường THCS&THPT dân tộc nội trú, 01 trường TH, THCS và THPT Đại học Hà Tĩnh hoạt động theo cơ chế tự chủ.

Việc bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các trường thực hiện sáp nhập cơ bản ổn định, đảm bảo số lượng, cơ cấu. Chất lượng giáo dục tại nhiều trường thực hiện sáp nhập có chuyển biến tích cực.

**2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

Giai đoạn 2012-2017, trong phạm vi thẩm quyền và điều kiện cụ thể các đã triển khai nhiều giải pháp để bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ các cấp như:

- Tuyển dụng: 1734 người.

- Hợp đồng:

+ Thu hút theo Quyết định 2531/QĐ-UBND: 41 giáo viên THPT;

+ Theo Quyết định 2059/QĐ-UBND: 921 giáo viên mầm non;

+ Theo Quyết định 240/QĐ-UBND: 277 nhân viên các trường mầm non (Kế toán:160 người, Y tế: 117 người).

+ Theo Quyết định 3604/QĐ-UBND: 59 giáo viên, nhân viên (thực hiện chính sách xã hội giải quyết việc làm cho con Liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh nặng).

- Hỗ trợ ngân sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên: 19 người;

- Cử đi đào tạo nâng chuẩn (người học tự túc kinh phí): 2885 người.

- Thực hiện tinh giản biên chế thuộc ngành giáo dục: 315 người

Tính đến thời điểm 31/12/2017:

a) Về số lượng:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên cơ bản đảm bảo về số lượng. Tại thời điểm 31/12/2017, toàn ngành có 21.640 người, trong đó biên chế là 20.404 người. Tỷ lệ bình quân giáo viên trên lớp trên toàn tỉnh: Mầm non 1,69; Tiểu học 1,38; THCS 2,03; THPT 2,25. Trong 5 năm qua, thực hiện chủ trương tinh giản biên chế (toàn tỉnh tinh giản được 315 người thuộc biên chế ngành giáo dục) và hạn chế tuyển dụng giáo viên nên giáo viên phổ thông trong biên chế giảm khá mạnh, so với đầu năm 2012 tiểu học giảm 489 người, THCS giảm 1.180 người, THPT giảm 220 người.

Tuy nhiên, do chủ trương chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập nên giáo viên mầm non được tuyển vào biên chế tăng 1.914 người nên tổng biên chế toàn ngành tăng 24 người so với đầu năm 2012.

b) Về trình độ đào tạo:

Hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo; trình độ trên chuẩn đào tạo ngày càng cao.

* Mầm non: Trên chuẩn đào tạo 84%, trong đó trình độ đại học 60,3%;
* Tiểu học: Trên chuẩn đào tạo 92%, trong đó trình độ đại học 61,3%;
* THCS: Trên chuẩn đào tạo 84%, trong đó 50 người có trình độ thạc sĩ;
* THPT: Trên chuẩn đào tạo 17%, trong đó 4 người có trình độ tiến sĩ;

c) Về phẩm chất, đạo đức, năng lực chuyên môn:

Đại bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành có tư tưởng, lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất, đạo đức tốt, sống lành mạnh, tâm huyết, trách nhiệm với nghề, khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia tích cực vào các hoạt động đổi mới giáo dục, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình giáo dục hiện hành.

d) Về công tác bồi dưỡng đội ngũ:

Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý trường học, giáo viên ở các cấp học, ngành học được quan tâm. Tổ chức và phối hợp với các trường đại học, học viện tổ chức nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực quản lý trường học, đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, phát triển chương trình nhà trường phổ thông, dạy học thực hành thí nghiệm…

Các nhà trường đã tập trung đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng chủ đề dạy học.

Đổi mới thi chọn giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, ngoài việc thực hiện nghiêm túc các phần thi theo qui định của Bộ GDĐT đã bổ sung thêm việc lấy phiếu tín nhiệm, suy tôn của cán bộ giáo viên trong đơn vị công tác và giáo viên cùng bộ môn trong phạm vi cấp huyện đối với giáo viên dạy giỏi THCS và phạm vị toàn tỉnh đối với giáo viên dạy giỏi cấp THPT.

Công tác qui hoạch cán bộ quản lý trường học được coi trọng, kịp thời rà soát, bổ sung hàng năm; thực hiện tốt việc bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đối tượng trong qui hoạch. Từ năm học 2013 – 2014, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai việc bổ nhiệm cán bộ quản lý các trường THPT thông qua thi chọn.

**3. Cơ sở vật chất trường học**

Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố và chuẩn hóa, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học. Hầu hết các trường học từ mầm non và phổ thông đều đảm bảo mỗi nhóm lớp có một phòng học, không có cơ sở giáo dục phải học 3 ca. Hệ thống các phòng chức năng, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu được quan tâm xây dựng, trang bị, cơ bản đáp ứng yêu cầu giáo dục theo chương trình hiện tại; thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho trẻ em được trang bị đồng loạt tại các trường mầm non, mỗi trường có 05 loại thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu về đồ chơi ngoài trời để xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; thiết bị làm quen với tin học, thiết bị dạy ngoại ngữ và thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin được coi trọng.

Từ năm 2012 đến nay, toàn tỉnh đã xây mới và đưa vào sử dụng trên 3.230 phòng học, 180 phòng thực hành, 593 phòng bộ môn, 178 phòng thư viện, 17.700 m2 phòng giáo dục thể chất, 25.200 m2 nhà đa chức năng, 53.230 m2 nhà làm việc, 9.500 m2 nhà công vụ, 32.000 m2 công trình vệ sinh và hàng chục nghìn m2 hàng rào, sân chơi, bãi tập …; mua sắm 1.166 bộ thiết bị dạy học ngoại ngữ, 1.231 bộ thiết bị làm quen với tin học và 611 bộ đồ chơi ngoài trời cho trẻ em.

Đến ngày 31/12/2017, có 505 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 69% (mầm non 160 trường, tỷ lệ 59,8%; tiểu học 201 trường, tỷ lệ 77,6%; THCS 112 trường, tỷ lệ 74,2% và 32 trường THPT, tỷ lệ 71,1%). Có 133 trường đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 18% (mầm non 21 trường, tỷ lệ 7,7%; tiểu học 112 trường, tỷ lệ 43,2%).

1. **Tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục**

Triển khai nhiều hoạt động đổi mới giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện cơ bản ổn định, chất lượng giáo dục mũi nhọn đạt kết quả cao

4.1. Giáo dục mầm non

Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường năm học 2017 – 2018: Nhà trẻ 28,8%, mẫu giáo 97%.

Công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMN5T) được chỉ đạo triển khai quyết liệt từ tỉnh đến các địa phường và từng cơ sở giáo dục mầm non. Năm 2013, Hà Tĩnh là tỉnh đầu tiên thuộc khu vực Bắc Trung bộ và là tỉnh thứ 13 đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo Thông tư số 28 của Bộ GDĐT, xây dựng trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo an toàn, đủ dinh dưỡng cho trẻ.

Coi trọng công tác bán trú, triển khai uống sữa và chế phẩm từ sữa tại các trường mầm non. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm 2,5% cả thể nhẹ cân và thể thấp còi so với năm 2012. Tăng cường rèn luyện các kỹ năng cho trẻ, thông qua việc tổ chức lễ hội và các sinh hoạt khác.

4.2. Giáo dục phổ thông

a) Giáo dục tiểu học

Chất lượng giáo dục tiểu học ổn định và phát triển. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 vào tháng 12 năm 2015; chất lượng phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố vững chắc, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 từ năm 2016.

Thực hiện việc đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học, các trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tiễn của trường mình, đồng thời thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện như: triển khai dạy học Tiếng Việt lớp 1 theo tài liệu Công nghệ Giáo dục (CGD), vận dụng các thành tố tích cực của Mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN), triển khai dạy học theo các phương pháp dạy học tiên tiến.

100% trường tiểu học triển khai việc dạy học Tiếng Việt lớp 1 theo tài liệu Công nghệ Giáo dục; hàng năm có trên 98% học sinh lớp 1 đạt các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng. Phần lớn các trường học áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột”, dạy học môn âm nhạc theo phương pháp mới của Đan Mạch.

Triển khai thực hiện tốt việc đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30, Thông tư 22 của Bộ GDĐT về đánh giá học sinh tiểu học.

Đã có nhiều giải pháp chỉ đạo thực hiện dạy học 2 buổi ngày nhằm nâng cao số lượng và chất lượng học sinh. Ngày 25/01/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 406/QĐ-UBND về việc cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày cho giáo viên tiểu học. Số học sinh được học 2 buổi/ ngày trong những năm gầm đây luôn đạt tỉ lệ trên 90%. Nội dung dạy học buổi 2 đã tập trung nhiều vào các hoạt động hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

Đẩy mạnh việc đọc sách trong học sinh, tăng cường hoạt động thư viện. Cùng với sự giúp đỡ của các tổ chức Room to Read, CI, Sách hóa nông thôn, thư viện các trường tiểu học đã được đầu tư cơ sở vật chất từng bước đáp ứng yêu cầu. Đến hết năm 2017, cấp tiêu học đã có 123 thư viện tiên tiến và 44 thư viện xuất sắc.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, dạy học gắn với thực tiễn cuộc sống. Đưa dân ca Ví, Giặm vào các trường tiểu học, tổ chức các sân chơi, các chương trình thiết thực bổ ích cho học sinh như: Giao lưu Tuổi thơ khám phá, Ý tưởng trẻ thơ, Vui Tết trung thu, Hội chợ tuổi thơ, Ngày hội đọc sách...

b) Giáo dục trung học

Thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện như: phát triển Chương trình nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, dạy học tiếng Anh theo năng lực, đổi mới thi chọn học sinh giỏi tỉnh theo hướng coi trọng năng lực thực hành, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn, đổi mới thi giáo viên dạy giỏi các cấp…

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, các trường học đã tổ chức rà soát nội dung dạy học trong sách giáo khoa hiện hành, tinh giản nội dung dạy học; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu. Xây dựng các chủ đề môn học và liên môn gồm các nội dung dạy học chưa được xây dựng trong chương trình các môn học hiện hành.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua các chương trình ngoại khóa, tham quan các dự án cộng đồng, các khu lưu niệm, địa chỉ cách mạng, các hoạt động giao lưu, sinh hoạt tập thể, giáo dục nhà trường gắn với cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương,…

Xuất phát từ thực tế dạy học tiếng Anh, từ năm học 2016- 2017, đã triển khai thí điểm việc dạy học tiếng Anh theo trình độ, năng lực thực tế của học sinh ở cấp THPT (không dạy theo kiểu các lớp học truyền thống), các trường xây dựng lại chương trình dạy học phù hợp với từng mức độ và đối tượng học sinh, đã đạt được kết quả tích cực; hiện nay đã có 23 trường THPT triển khai thực hiện.

Từ năm học 2015 – 2016, Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 THCS đã được đổi mới trên tinh thần tăng cường thực hành, thí nghiệm, giao lưu học hỏi. Năm học 2017- 2018 đã đổi mới thi học sinh giỏi lớp 10 các bộ môn khoa học tự nhiên, bổ sung phần thi thực hành, thí nghiệm, môn ngoại ngữ bổ sung phần thi nói, các phần thi này được tổ chức tại các nhà trường đã có tác động rất tích cực trong việc tăng cường CSVC, thiết bị, dạy học thực hành, thí nghiệm và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện thí điểm mô hình trường THPT gắn với đào tạo nghề dài hạn cho học sinh; đến nay đã có 37 trường THPT thực hiện với trên 5.000 học sinh tham gia.

Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học như: ứng dụng các phần mềm dạy học, tham gia “Trường học kết nối”, “trường học ảo” để chia sẻ về chuyên môn, góp phần bổ sung các nguồn học liệu, phục vụ tốt hoạt động dạy học.

Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì ổn định, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hàng năm trên 98%; tỷ lệ học sinh vào đại học cao đẳng hàng năm đạt trên 60% học sinh tốt nghiệp THPT, nhiều em đạt điểm tuyệt đối các môn thi, thủ khoa các trường đại học. Giáo dục mũi nhọn đạt thành tích cao, tăng cả số lượng và chất lượng; tính từ năm 2012 đến nay, Hà Tĩnh đã có 04 huy chương Quốc tế, trong đó có 02 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng Toán quốc tế và 01 Huy chương Bạc Tin học Châu Á; có 464 lượt học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, trong đó có 11 giải nhất,155 giải nhì, 199 giải ba, 139 giải khuyến khích, thuộc tốp 5 tỉnh thành phố dẫn đầu toàn quốc. Ngoài ra học sinh Hà Tĩnh còn đạt thành tích cao trong các cuộc thi cấp quốc gia khác như: Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cuộc thi Khoa học kĩ thuật giành cho học sinh trung học; An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai; Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh trung học phổ thông, Đại hội điền kinh học sinh phổ thông toàn quốc, Cúp bóng đá Milô học sinh tiểu học…

1. **Công tác quản lý nhà nước về giáo dục**

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục ngày càng được tăng cường, có nhiều đổi mới theo hướng tích cực.

Hệ thống văn bản được ban hành tương đối đồng bộ (Nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định, chương trình hành động của Ủy ban nhân dân, Văn bản của ngành giáo dục và các ngành có liên quan), cả hệ thống chính trị tích cực chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển giáo dục.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách theo đúng quy định và cơ bản bảo đảm tiến độ, lộ trình đề ra, nhất là Đề án quy hoạch lại hệ thống trường mầm non và phổ thông, kế hoạch chuyển đổi các trường mầm non sang công lập, các chính sách liên quan đến giáo viên và học sinh.

Trên cơ sở chương trình giáo dục hiện hành, tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục; các trường chủ động điều chỉnh phù hợp điều kiện thực tế của đơn vị và lập kế hoạch thực hiện một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả giáo dục. Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm; vận dụng một số hình thức, phương pháp dạy học tiên tiến, cách thức tổ chức dạy học mới.

Thực hiện phân cấp, giao quyền tự chủ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương, trường học trong công tác quản lý đội ngũ; cả giai đoạn 2012-2017 chỉ tuyển mới giáo viên mầm non và giáo viên thuộc diện thu hút của tỉnh, thực hiện khá nghiêm túc Nghị quyết số 39/NQ-HĐND tỉnh ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch tinh giản biên chế. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục chặt chẽ, phát huy hiệu quả; thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ tiền lương và chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Triển khai thí điểm thi chọn để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các trường trung học phổ thông.

Thực hiện phân cấp kinh phí sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở cho cấp huyện quản lý, THPT cho Sở GDĐT quản lý; các trường, cơ sở giáo dục được giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính. Công tác quản lý tài chính tại trường học từng bước đi vào nề nếp; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính. Tăng cường công khai, minh bạch trong công tác quản lý tài chính của các cơ sở giáo dục.

Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính các cấp trong quản lý ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực giáo dục, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Công tác cải cách hành chính trong toàn ngành giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo sự thuận tiện cho người dân; triển khai ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục.

Đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và đúng quy định của pháp luật. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng chức năng, thẩm quyền, không để tồn đọng, không có đơn thư khiếu kiện nhiều lần.

**6. Xã hội hóa giáo dục**

Công tác xã hội hoá giáo dục tiếp tục được quan tâm và phát huy tác dụng. Nhận thức về vai trò, vị trí của giáo dục trong cấp uỷ, chính quyền và nhân dân được nâng cao. Việc phối hợp giữa nhà trường - gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh được chú trọng hơn. Công tác khuyến học khuyến tài được đẩy mạnh; phát triển Quĩ Khuyến học Đất Hồng Lam, thành lập Quĩ Khuyến học, khuyến tài Nguyễn Du; khen thưởng, động viên kịp thời giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác.

Thành lập mới 12 trường phổ thông, mầm non tư thục, 38 nhóm trẻ độc lập góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ mầm non đến lớp.

Huy động được hàng trăm tỷ đồng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và hàng ngàn tỷ đồng đóng góp của cha mẹ học sinh để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy học.

* + 1. **Tồn tại, hạn chế**

1. **Quy hoạch trường, lớp**

Việc xây dựng Đề án quy hoạch trường lớp còn mang tính áp đặt, có nơi chưa phù hợp thực tế; quá trình triển khai thực hiện còn có biểu hiện chủ quan, thiếu đồng bộ, công tác tuyên truyền hạn chế dẫn đến một số nơi phụ huynh học sinh phản đối quyết liệt chủ trương sáp nhập trường.

Một số địa phương chưa hoàn thành quy hoạch hệ thống trường học đã phê duyệt. Sau quy hoạch vẫn còn nhiều trường học có quy mô nhỏ, nhiều điểm trường: THPT có 2 trường có qui mô dưới 18 lớp; THCS có 75 trường quy mô dưới 16 lớp, 30 trường dưới 12 lớp; Mầm non có 17 trường qui mô dưới 5 nhóm lớp. Tiểu học có 19 trường qui mô 5 lớp. Có 8 trường THCS liên xã đang học tại 2 điểm trường; 90 trường mầm non có điểm lẻ, trong đó có 05 trường từ 3 điểm lẻ trở lên; 48 trường tiểu học có điểm lẻ, trong đó 05 trường từ 2 điểm lẻ trở lên. Ở một số nơi cơ sở vật chất trường học sau khi sáp nhập không sử dụng để tổ chức dạy học chưa được xử lý kịp thời.

1. **Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Đội ngũ giáo viên không cân đối giữa các ngành học, cấp học; giáo viên mầm non còn thiếu trong khi THCS thừa nhiều (318 người). Việc sắp xếp bố trí còn bất hợp lý, không đồng đều giữa các địa phương, có địa phương thừa nhiều giáo viên trong khi có địa phương lại thiếu giáo viên khá nghiêm trọng. Cơ cấu giáo viên thiếu đồng bộ, có môn thừa nhiều giáo viên trong khi có môn lại thiếu giáo viên như: giáo viên văn hóa tiểu học thiếu 343 người, nhạc thiếu 14, các môn khác thừa 543 người. Giáo viên ốm đau lâu dài chưa có hướng giải quyết.

Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế về nhận thức, phẩm chất, đạo đức, lối sống; ý thức phấn đấu không cao, ngại khó, ngại đổi mới; năng lực chuyên môn không đáp ứng yêu cầu; thiếu các kỹ năng mềm. Lực lượng giáo viên giỏi, thật sự tâm huyết còn ít. Có cán bộ quản lý hết nhiệm kỳ không đủ điều kiện để bổ nhiệm lại.

Công tác đánh giá, xếp loại CBQL, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá xếp loại công chức, viên chức hàng năm thực hiện chưa nghiêm túc, mang tính hình thức, cào bằng không tạo được động lực phấn đấu cho cán bộ, giáo viên và gây khó khăn trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

1. **Cơ sở vật chất**

Chưa có kế hoạch tổng thể xây dựng cơ sở vật chất trường học, việc bố trí vốn đầu tư còn dàn trải.

Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa quan tâm huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho trường học hoặc thỏa mãn với kết quả đạt được về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nên thiếu bổ sung nâng cấp.

Công tác qui hoạch chi tiết ở một số trường học chưa được quan tâm, còn 46 trường chưa có quy hoạch khuôn viên (mầm non 17, tiểu học 17 và THCS 12), 68 trường chưa có quyết định giao đất (mầm non 40, tiểu học 20, THCS 8), 29 trường chưa đủ diện tích đất theo quy định (mầm non 28, tiểu học 1).

Một số trường mầm non vẫn còn phòng học tạm, học nhờ; một số trường tiểu học, THCS và THPT phải học 2 ca; trên 10% số phòng học các cấp đã xuống cấp cần phải thay thế; thiếu các phòng chức năng; công trình vệ sinh thiếu hoặc đang tạm bợ. Một số thiết bị dạy học tối thiểu được đầu tư từ trước năm 2012, nên đã hư hỏng, chưa được bổ sung, thay thế và một bộ phận không đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Từ mầm non đến THPT còn thiếu hoặc đang sử dụng phòng tạm, phòng xuống cấp: 1.031 phòng học, 184 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, 312 phòng bộ môn, 72 phòng tin học, 73 phòng thư viện và hàng nghìn m2 nhà vệ sinh. Thiết bị đồ chơi cho trẻ còn nghèo nàn; thiết bị có giá trị cao như máy vi tính, máy chiếu, đàn… được đầu tư nhỏ lẻ. So với nhu cầu còn thiếu khoảng 10.200 bộ máy tính, 7.190 máy chiếu, 1.335 đàn, 670 casstte…

Một số trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không được nâng cấp, sửa chữa, bổ sung kịp thời, thường xuyên nên đến chu kỳ kiểm tra lại không còn đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra ở tất cả các cấp học, ngành học.

1. **Tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục**

Việc triển khai các hoạt động đổi mới giáo dục ở một số trường học chưa quyết liệt, còn hình thức, đối phó; còn có tư tưởng ngại khó, ngại đổi mới. Chưa tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong đổi mới phương pháp dạy học.Thực hiện việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp GDMN ở một số đơn vị còn nhiều hạn chế; xây dựng môi trường giáo dục, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục còn hình thức, áp đặt trẻ, chưa đúng thực chất theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”.

Việc chỉ đạo triển khai trên diện rộng mô hình trường học mới (VNEN) ở tiểu học, THCS thiếu thận trọng, còn chủ quan, nóng vội, thiếu các điều kiện đảm bảo, chưa tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh, từ năm học 2017 - 2018 đã dừng áp dụng tại tất cả các trường học.

Việc triển khai dạy học ngoại ngữ ở các trường tiểu học còn bất cập, thiếu đồng bộ, có trường có các lớp thực hiện theo chương trình mới 4 tiết/ tuần (238 trường) có trường có các lớp chỉ dạy được từ 2 - 3 tiết/tuần ( 154 trường) cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 5, cá biệt đến năm học 2016- 2017 vẫn còn có một số trường do không có giáo viên nên không tổ chức dạy học ngoại ngữ (8 trường). Việc triển khai thực hiện Đề án ngoại ngữ chưa đạt yêu cầu, chất lượng dạy học ngoại ngữ còn thấp ở tất cả các cấp học.

Chất lượng giáo dục toàn diện ở một số trường phổ thông còn hạn chế, nhất là vùng ở vùng núi, vùng khó khăn. Việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, nghệ thuật cho học sinh triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận học sinh sống thiếu hoài bão, thiếu động cơ học tập nhất là ở cấp trung học; học sinh còn thiếu các kỹ năng giao tiếp, phòng chống tai nạn, đuối nước; vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm pháp luật, vi phạm an toàn giao thông. Kết quả thi THPT quốc gia còn nằm ở thứ hạng thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, truyền thống.

1. **Quản lý nhà nước về giáo dục**

Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, nhất là về quản lý đội ngũ, quản lý tài chính còn bất cập, thiếu thống nhất. Thiếu các giải pháp tích cực để điều hoà đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh dẫn đến tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, hợp đồng giáo viên tuỳ tiện gây khó khăn cho các nhà trường trong tổ chức dạy học. Việc phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các trường học ở các địa phương khác nhau, tính công khai, minh bạch nguồn chi sự nghiệp giáo dục chưa đảm bảo. Việc phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với các cơ quan quản lý nhân sự, tài chính còn hạn chế, thiếu tính thống nhất giữa chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ.

Năng lực tham mưu của ngành giáo dục còn hạn chế, chưa sát thực tiễn. Công tác truyền thông trong ngành chưa được coi trọng, nhất là việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và về đổi mới giáo dục và đào tạo.

Công tác thanh tra, kiểm tra còn nhiều hạn chế. Việc thanh tra hành chính các trường học chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự phối hợp giữa các đơn vị có thẩm quyền; còn có sự chồng chéo. Việc chấn chỉnh khắc phục sau thanh tra, kiểm tra có lúc, có nơi chưa kịp thời, dứt điểm; việc xử lý sai phạm chưa triệt để.

Việc quản lý dạy thêm, học thêm chưa chặt chẽ, kiểm tra xử lý sai phạm chưa nghiêm, chưa thường xuyên, dẫn đến còn có tình trạng dạy thêm, học thêm trái qui định ở tất cả các cấp học, nhất là ở địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn. Tình trạng lạm thu, thu tràn lan vẫn còn trong các cơ sở giáo dục, nhưng chưa có giải pháp chấm dứt triệt để.

1. **Xã hội hóa giáo dục**

Công tác xã hội hoá giáo dục còn hạn chế, vướng mắc.

Thực hiện phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa chặt chẽ, thường xuyên; các trường học chưa thật chủ động tích cực phối hợp các lực lượng tham gia công tác giáo dục; nhiều gia đình không quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con em trong khi một số gia đình lại quá kỳ vọng dẫn đến tạo ra áp lực nặng nề về học hành, thi cử cho học sinh; vai trò của các tổ chức, đoàn thể chưa được phát huy, môi trường xã hội có nhiều phức tạp tác động trực tiếp đến học sinh.

Chưa có quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển hệ thống trường ngoài công lập;

Việc huy động các khoản đóng góp tự nguyện của cha mẹ học sinh chưa phù hợp với nhu cầu của nhà trường, khả năng của phụ huynh, còn cào bằng, nhiều khoản thu; việc quản lý, sử dụng các khoản thu còn hạn chế.

* + 1. **Nguyên nhân**

1. **Nguyên nhân của kết quả đạt được**

a) Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã bám sát quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tao, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chăm lo đầu tư phát triển giáo dục ở từng địa phương, từng nhà trường.

b) Các cấp quản lý giáo dục, các nhà trường đã tham mưu tích cực, có hiệu quả cho cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong phát triển giáo dục. Đa số cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành tâm huyết với nghề, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, có ý thức phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c) Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể quần chúng và các tầng lớp nhân dân đồng thuận, phối hợp tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ giáo dục.

d) Hà Tĩnh vốn có truyền thống hiếu học, “tôn sư, trọng đạo”; phần lớn học sinh cần cù, chịu khó, thông minh, có ý chí phấn đấu rèn luyện để lập thân, lập nghiệp.

**2. Nguyên nhân của những hạn chế**

a) Nhận thức vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng sự chỉ đạo, triển khai thực hiện ở một số địa phương chưa quyết liệt, chưa theo kịp với tình hình thực tế, chưa dành ưu tiên thỏa đáng cho phát triển sự nghiệp giáo dục.

b) Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được coi trọng; một số chủ trương, chính sách về giáo dục chưa đến được với người dân, thậm chí chưa đến được với giáo viên.

c) Đầu tư của Nhà nước cho giáo dục còn hạn chế; kinh phí chi thường xuyên chủ yếu tăng chi cho con người. Chính sách đặc thù chưa đủ mạnh để khuyến khích, động viên cán bộ, giáo viên cốt cán; giáo viên được điều động, biệt phái; giáo viên được cử đi bồi dưỡng, đào tạo lại; cơ chế huy động nguồn lực của xã hội chưa đồng bộ. Một số chính sách cho giáo dục tính khả thi chưa cao.

c) Công tác dự báo, tham mưu của ngành giáo dục còn hạn chế. Trong chỉ đạo có lúc còn duy ý chí, chủ quan, nóng vội. Chưa coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ như: qui hoạch trường lớp, triển khai mô hình trường học mới; Đề án Ngoại ngữ…

d) Nhận thức về phân cấp quản lý chưa đầy đủ, thực hiện chưa thống nhất.

e) Bệnh thành tích, áp lực tâm lý khoa cử, bằng cấp vẫn chi phối mạnh việc dạy, học và thi cử. Mặt trái của kinh tế thị trường đã có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục.

**Phần thứ ba**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**A. Quan điểm, mục tiêu**

**I. Quan điểm**

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục - đào tạo; phát huy truyền thống và kết quả giáo dục của Hà Tĩnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Đề án xây dựng theo các quan điểm cụ thể sau:

- Giảm đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII.

- Sắp xếp các trường học theo hướng thành lập các trường liên cấp (Tiểu học, THCS,THPT), trường liên xã đảm bảo thuận lợi cho người học;

- Không làm xáo trộn việc tổ chức dạy học, giáo dục của nhà trường;

- Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để tổ chức dạy học; các trường liên cấp không nhất thiết phải học tại một địa điểm.

- Sắp xếp trường lớp đi đôi với việc sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

**II. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đi đôi với việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trên các lĩnh vực; tập trung hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống trường lớp gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường công lập. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ đồng bộ về số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức tốt việc dạy học và các hoạt động giáo dục. Triển khai nghiêm túc và phấn đấu đạt các mục tiêu về hướng nghiệp theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đến năm 2021

- Tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo 98%, nhà trẻ 35%, trong đó 20% số trẻ huy động học tại các trường, nhóm lớp ngoài công lập. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS; tuyển sinh tối đa 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT công lập.

- 90% trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 70 % đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- 100% trường học có đủ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới; 100% học sinh được giáo dục kỷ năng sống.

- Giảm khoảng 10 % trường mầm non và phổ thông công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015;

- Có 10% trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông tự chủ về tài chính

b) Đến năm 2025

- Tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo đạt 98,5%, nhà trẻ 40%, trong đó 30% số trẻ huy động học tại các trường, nhóm lớp ngoài công lập. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tuyển sinh học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS; tuyển sinh tối đa 60% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT công lập.

- 100 % trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 80 % đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Tiếp tục giảm khoảng 10 % trường mầm non và phổ thông công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021;

- Có 20% trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông tự chủ về tài chính.

c) Giai đoạn sau năm 2025

- Duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở; tiếp tục tăng tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo và nhà trẻ, giảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT công lập so với năm 2025.

- Tiếp tục sắp xếp các trường mầm non và phổ thông công lập theo hướng giảm đầu mối; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025;

- Có trên 25 % trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông tự chủ về tài chính.

**B. Nhiệm vụ, giải pháp**

**I. Sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non và phổ thông; chuyển đổi các trường học sang cơ chế tự chủ**

**1. Sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non và phổ thông**

a) Định hướng sắp xếp các trường công lập

- Sáp nhập các trường tiểu học với THCS trên địa bàn xã, phường, thị trấn một cách hợp lý.

- Sáp nhập, giải thể các trường THPT qui mô nhỏ.

- Khuyến khích chuyển đổi một số trường mầm non, THPT công lập ở những nơi có điều kiện sang tư thục hoặc mô hình đầu tư công, quản trị tư.

- Khi điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã theo Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khóa XII sẽ thực hiện sáp nhập, giải thể các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn theo phương án sáp nhập xã.

b) Phương án cụ thể đến năm 2021

Căn cứ định hướng trên, các địa phương xây dựng phương án thực hiện tại địa phương đảm bảo đạt chỉ tiêu, lộ trình của Đề án.

c) Quy hoạch trường ngoài công lập:

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân mở trường ngoài công lập (kể cả việc tiếp nhận để chuyển đổi mô hình, loại hình trường); phấn đấu:

- Giáo dục mầm non mỗi địa phương có ít nhất: Thành phố Hà Tĩnh 20 trường, thị xã Kỳ Anh 5 trường, thị xã Hồng Lĩnh 3 trường, huyện Nghi Xuân 3 trường, các huyện đồng bằng 2 trường và các huyện miền núi 1 trường mầm non tư thục;

- Giáo dục phổ thông mỗi địa phương có ít nhất: Thành phố Hà Tĩnh 4 trường, thị xã Kỳ Anh 2 trường, thị xã Hồng Lĩnh và các huyện còn lại 1 trường phổ thông tư thục theo từng cấp học hoặc có nhiều cấp học.

d) Giải pháp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân dân về chủ trương sắp xếp trường lớp để tạo được đồng thuận cao. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp, của ngành giáo dục trong việc thực hiện sáp nhập trường; quá trình thực hiện phải quyết tâm cao nhưng không được chủ quan, nóng vội.

- Trên cơ sở định hướng và phương án của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng đề án thực hiện việc sắp xếp các trường học phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương (có ý kiến thống nhất của Sở Giáo dục và Đào tạo), trình HĐND huyện thông qua, UBND huyện phê duyệt trong năm 2018 và tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương.

- Sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau sáp nhập; Lựa chọn các đồng chí cán bộ quản lý có năng lực, tâm huyết bố trí làm hiệu trưởng các trường liên cấp. Đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ trong việc điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tuổi cao, sức khoẻ yếu, năng lực hạn chế nghỉ hưu trước tuổi.

- Huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường học thực hiện việc sáp nhập; đảm bảo sau khi sáp nhập học sinh được học trong điều kiện tốt hơn.

- Tăng cường công tác quản lý, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học tại các nhà trường.

**2. Chuyển đổi các trường học sang cơ chế tự chủ.**

2.1. Tự chủ về việc thực hiện nhiệm vụ

a) Trên cơ sở chương trình giáo dục của Bộ GDĐT, giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp với thực tế của từng nhà trường;

b) Các trường phổ thông chủ động lựa chọn sách giáo khoa của chương trình giáo dục phổ thông mới theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT. Trên nguyên tắc đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng cấp học theo qui định của Bộ GD ĐT, chủ động điều chỉnh nội dung dạy học, giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh.

c) Các trường phổ thông chủ động, tích cực áp dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá hiện đại, các mô hình giáo dục tiên tiến.

2.2. Tự chủ về tài chính

a) Đối tượng:

Các trường mầm non, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và các trường liên cấp có trung học cơ sở, trung học phổ thông.

b) Lộ trình thực hiện:

- Trước mắt thực hiện tốt việc tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Khi Chính phủ có quy định mới về học phí, hoặc có chủ trương thí điểm tự chủ tài chính theo hướng cơ sở giáo dục tự bảo đảm kinh phí thì triển khai thực hiện theo lộ trình sau:

\* Giai đoạn 1:

+ Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên (ngân sách nhà nước đảm bảo lương và các khoản đóng góp theo lương) đối với các trường THCS tuyển sinh trên địa bàn toàn huyện.

\* Giai đoạn 2:

+ Tự chủ toàn bộ chi phí thường xuyên đối với các trường THCS tự chủ một phần giai đoạn 1.

+ Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên đối với các trường trường mầm non và trường học phổ thông ở địa bàn có điều kiện (phường, thị trấn không phải vùng miền núi).

\* Giai đoạn 3:

+ Tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên ở các trường đã thực hiện tự chủ toàn bộ và tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên ở giai đoạn 2.

+ Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên tại các trường mầm non xã không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và phường, thị trấn khu vực II, III vùng miền núi; tại các trường trung học cơ sở phường, thị trấn không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi và các trường THPT ở các xã, thị trấn không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển.

\* Giai đoạn 4: Thực hiện tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên ở các trường đã tự chủ toàn bộ và tự chủ một phần giai đoạn 3. Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên tại tất cả các trường còn lại trừ trường THCS và THPT dân tộc nội trú.

c) Học phí tại các trường thực hiện tự chủ tài chính theo hướng tự bảo đảm kinh phí:

* Đối với đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên: Học phí đảm bảo tối thiểu từ 22% đến 28% chi thường xuyên đối với giáo dục mầm non, tối thiểu 23% đến 29% chi thường xuyên đối với giáo dục trung học cơ sở và tối thiểu từ 24% đến 30% chi thường xuyên đối với giáo dục trung học phổ thông
* Đối với đơn vị tự đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên: Học phí được tính đủ để chi thường xuyên, bao gồm tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương và chi phục vụ giảng dạy, học tập (chi phục vụ giảng dạy và học tập tối thiểu như đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí), chưa tính trích khấu hao tài sản cố định.
* Uỷ ban nhân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về mức học phí cho từng loại hình tự chủ, từng cấp học. Mức học phí các năm sau được điều chỉnh tăng theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng của Tổng cục Thống kê thông báo và kế hoạch cải cách tiền lương của Chính phủ.

Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí theo các qui định hiện hành.

2.3. Tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự

a) Các trường học được tự chủ trong việc tổ chức bộ máy; bố trí công việc theo chức danh nghề nghiệp; đánh giá, xếp loại; đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhân viên theo qui định hiện hành.

b) Từ năm học 2019- 2020 thực hiện thí điểm tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự tại một số trường phổ thông ở những nơi có điều kiện thuận lợi. Đối với các trường này trên cơ sở nhiệm vụ, số lượng biên chế được giao và các qui định hiện hành, hiệu trưởng chủ động xây dựng phương án cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức hiện có, được quyền tiếp nhận viên chức có nguyện vọng chuyển đến và hợp đồng làm việc có thời hạn với những vị trí, việc làm còn thiếu và thực hiện chấm dứt hợp đồng khi không có nhu cầu hoặc nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc. Sở GDĐT (đối với THPT), UBND cấp huyện (đối với tiểu học, THCS) không thực hiện việc điều chuyển viên chức đến các đơn vị này. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng từ sau năm 2021.

**II. Xây dựng các điều kiện đảm bảo; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**

**1. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của giáo dục trong toàn xã hội**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo; có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức từ tỉnh đến cơ sở để chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện các chương trình phát triển giáo dục và đào tạo.

Tập trung nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, Pháp luật của Nhà nước, nhất là: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; nội dung Đề án Phát triển giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo để các cấp, các ngành và nhân dân có nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí vị của giáo dục và đào tạo, vai trò quan trọng của nhân tố con người trong phát triển kinh tế - xã hội, từ đó tạo ra sự đồng thuận cao trong toàn xã hội trong thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, thành lập chuyên mục riêng trên kênh Đài truyền hình Hà Tĩnh, Báo Hà Tĩnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh để phổ biến, chia sẻ về cách làm, bài học kinh nghiệm, nhân tố điển hình trong đổi mới.

**2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.**

a) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; quán triệt và triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh thực hiện "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với các cuộc vận động và phong trào thi đua khác trong toàn ngành. Chú trọng việc phát triển kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, giáo viên. Tạo sự chuyển biến sâu sắc về ý thức, trách nhiệm, vai trò tấm gương sáng của cán bộ quản lý, giáo viên. Thường xuyên định hướng tư tưởng đúng đắn, tạo ý thức và thói quen để cán bộ, giáo viên quan tâm nắm bắt tình hình thời sự, kinh tế - xã hội của địa phương, trong nước và thế giới từ các nguồn thông tin chính thống.

b) Bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Tỉnh. Thực hiện việc điều động, biệt phái từ địa phương thừa sang địa phương thiếu, trường thừa sang trường thiếu, kể cả về số lượng và cơ cấu môn học; thực hiện việc hợp đồng số giáo viên còn thiếu theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII, sau khi điều động bố trí, cân đối.

Chuyển nhiệm vụ y tế học đường và nhân viên y tế ở các trường học về trạm y tế xã, phường, thị trấn hoặc trung tâm y tế vùng đối với xã, phường, thị trấn không có trạm y tế; bố trí 01 nhân làm nhiệm vụ kế toán đối với xã, phường, thị trấn có từ 3 cơ sở giáo dục (mầm non, tiểu học, THCS) trở xuống, bố trí 02 nhân viên làm nhiệm vụ kế toán đối với xã, phường, thị trấn có từ 4 cơ sở giáo dục (mầm non, tiểu học, THCS) trở lên; chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng chính sách theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh. Rà soát, bố trí hợp lý số lượng nhân viên hỗ trợ hoạt động dạy học như: thiết bị, thư viện theo hướng tinh giản, một người làm nhiều việc.

c) Bố trí, phân công hợp lý cán bộ quản lý trường học; rà soát cho thôi giữ chức vụ những cán bộ quản lý sa sút về phẩm chất, yếu kém về năng lực. Quan tâm quy hoạch đội ngũ kế cận; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trên cơ sở quy hoạch, thi chọn đánh giá năng lực, không bổ nhiệm khi chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn và nằm ngoài quy hoạch. Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý theo quy định của Bộ GDĐT và đáp ứng yêu cầu hiện nay cho cán bộ quản lý các ngành học, cấp học, đặc biệt chú trọng đến các nội dung tác nghiệp để sau khi được bồi dưỡng cán bộ quản lý bao quát công việc, năng động, sáng tạo, có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời có khả năng thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông mới. Liên kết với các trường Đại học sư phạm có uy tín để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại giáo viên; xác định đúng những giáo viên có phẩm chất, năng lực hạn chế không đáp ứng yêu cầu để thực hiện tinh giản biên chế.

Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt ở các nhà trường, cấp huyện và cấp tỉnh để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Hợp đồng giáo viên là sinh viên tốt nghiệp loại giỏi học tại các trường sư phạm trọng điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ và thay thế số giáo viên năng lực yếu; giáo viên hợp đồng được hưởng chế độ như giáo viên tuyển dụng chính thức.

Phát huy vai trò tổ chuyên môn trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Đẩy mạnh phong trào tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ để từng bước chuẩn hóa đội ngũ theo tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp, phấn đấu đến năm 2020 toàn bộ giáo viên, cán bộ quản lý được chuẩn hóa, có lộ trình nâng trình độ lên trên chuẩn tối thiểu trong các năm sau.

Khuyến khích các giáo viên dạy ngoại ngữ tự học và thi lấy các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEIC, TOEFL, TOEFLibt. Đến năm học 2021 -2022 những viên chức có trình độ đào tạo không phù hợp vị trí việc làm, giáo viên dạy ngoại ngữ không có các chứng chỉ quốc tế tối thiểu đối với từng cấp học sẽ bố trí việc làm phù hợp hoặc thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa cả về trình độ đào tạo và năng lực thực tiễn cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động giáo dục, nhất là các nhân viên phụ trách các phòng chức năng: Thư viện, thiết bị, giáo dục nghệ thuật, nhân viên nuôi dưỡng tại các cơ sở giáo dục mầm non … để hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình dạy học, giáo dục.

e) Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII về thông qua Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016-2020. Xây dựng phương án và lộ trình giải quyết về hưu trước tuổi, cho thôi việc đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XII).

g) Có chính sách đủ mạnh để thu hút học sinh giỏi quốc gia vào học tại các trường đại học sư phạm, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

h) Phương án xử lý, sắp xếp, bố trí đội ngũ từ năm 2018 đến năm 2021

**Năm 2018**

\* Đối với nhân viên

- Chuyển toàn bộ nhân viên y tế trong biên chế trường MN, TH, THCS về trạm y tế xã, phường, thị trấn hoặc trung tâm y tế vùng đối với xã, phường, thị trấn không có trạm y tế;

- Xử lý nhân viên văn thư dôi dư ở trường tiểu học (30 người):

+ Chuyển 17 người đến làm văn thư tại 17 trường THCS còn thiếu (chọn người thuộc địa bàn thiếu hoặc địa bàn lân cận);

+ Cử 13 người còn lại đi đào tạo văn bằng 2 trung cấp thư viện để chuyển sang 38 vị trí nhân viên thư viện còn thiếu tại các trường TH (33), THCS (5);

- Xử lý nhân viên thiết bị dôi dư ở trường tiểu học (17 người):

+ Chuyển 10 người đến làm nhân viên thiết bị tại 10 trường THCS còn thiếu (chọn người thuộc địa bàn thiếu hoặc địa bàn lân cận);

+ Cử 7 người còn lại đi đào tạo văn bằng 2 trung cấp thư viện để chuyển sang 38 vị trí nhân viên thư viện còn thiếu tại các trường TH (33), THCS (5);

- Hợp đồng 38 nhân viên thư viện trường TH, THCS còn thiếu.

\* Đối với giáo viên

Sau khi tính toán theo tỷ lệ trên, cân đối số giáo viên môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục) thừa, thiếu giữa bậc TH và THCS:

- Chuyển giáo viên dôi dư THCS đến dạy Tiểu học còn thiếu: 14 giáo viên Âm nhạc (trong tổng số 28 giáo viên Âm nhạc còn thiếu);

- Hợp đồng 14 giáo viên (=28-14) giáo viên Âm nhạc còn thiếu ở bậc tiểu học.

- Bồi dưỡng nâng chuẩn 55 giáo viên (12 TH+43 THCS) bộ môn Mỹ thuật đạt trình độ ĐHSP để chuyển dạy môn Mỹ thuật THPT;

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng dạy tiểu học và chuyển 41 giáo viên dôi dư môn Tiếng Anh THCS đến dạy ở 41 trong tổng số 81 giáo viên Tiếng Anh còn thiếu ở bậc tiểu học;

- Hợp đồng giáo viên còn thiếu:

+ Giáo viên mầm non: 945 người;

+ Giáo viên tiểu học: Văn hóa 343 người, GV Âm nhạc 14;

+ Giáo viên THCS: Môn Sinh – Hóa bậc: 21 người;

- Xem xét cho thôi việc, chuyển việc theo nguyện vọng, giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP cho một số giáo viên THCS, THPT trong số người dôi dư, nếu không đi đào tạo chuyển đổi môn, chuyển cấp giảng dạy.

- Cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị dạy chương trình, sách giáo khoa (CT, SGK) mới. Số lượng giáo viên cử đi bằng số lớp năm học bắt đầu dự kiến thực hiện CT, SGK mới nhân với tỷ lệ GV/lớp của từng cấp học (TH: 1,5; THCS: 1,9; THPT: 2,25); chia từ 3 đến 4 khóa/năm hoc:

- Cho phép giáo viên THPT dạy theo chuyên môn gần hoặc kiêm nhiệm công việc gần chuyên môn như giáo viên Vật Lý dạy Kỹ thuật Công nghiệp hoặc kiêm nhiệm thiết bị Vật Lý; giáo viên Sinh học dạy Kỹ thuật Nông nghiệp hoặc kiêm nhiệm thiết bị Hóa học, Sinh học; giáo viên Thể dục (đã bồi dưỡng kiến thức QPAN 6 tháng hoặc đã có Văn bằng 2 QPAN), giáo viên Lịch sử, Giáo dục Công dân dạy Giáo dục Quốc phòng...;

Bổ nhiệm đủ cán bộ quản lý trường THPT theo biên chế được giao: 27 người.

**Năm 2019**

\* Đối với nhân viên

- Về điều chuyển, bồi dưỡng văn bằng 2: Như năm 2018.

- Hợp đồng 44 nhân viên thư viện trường TH (34), THCS (10) còn thiếu.

\* Đối với giáo viên

Sau khi tính toán theo tỷ lệ trên, cân đối số giáo viên môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục) thừa, thiếu giữa bậc TH và THCS:

- Chuyển giáo viên:

+ Tiểu học dôi dư đến dạy THCS còn thiếu: 4 giáo viên Thể dục; Chuyển 01 giáo viên Tin học THCS xuống dạy Tiểu học;

+ Chuyển 26 giáo viên Tiếng Anh THCS dôi dư đến dạy Tiếng Anh ở Tiểu học.

- Hợp đồng giáo viên còn thiếu:

+ Giáo viên mầm non: 572 người;

+ Giáo vien Tiểu học: 496 người (Văn hóa: 418; Âm nhạc: 14; Tiếng Anh: 64).

+ Giáo viên THCS: 103 người (Sinh-Hóa: 33; Văn-Sử-Địa-GDCD: 65; Âm nhạc 5).

+ Giáo viên THPT: 50 người (Tiếng Anh: 0; Tin học: 1; KTCN: 16; KTNN: 10; TD: 6; GDQP: 17)

- Cử đi đào tạo, bồi dưỡng dạy chương trình, sách giáo khoa mới (chia từ 3 đến 4 khóa): Giáo viên Tiểu học (lớp 2) và THCS (lớp 6);

- Xem xét cho thôi việc, chuyển việc, giải quyết chế độ, chính sách cho giáo viên THCS, THPT dôi dư.

**Năm 2020**

\* Đối với nhân viên

- Về điều chuyển, bồi dưỡng văn bằng 2: Như năm 2018

- Hợp đồng 45 nhân viên thư viện trường TH (34), THCS (11) còn thiếu.

\* Đối với giáo viên

Sau khi tính toán theo tỷ lệ trên, cân đối số giáo viên môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục) thừa, thiếu giữa bậc TH và THCS:

- Chuyển giáo viên Tiểu học dôi dư đến dạy THCS còn thiếu: 22 giáo viên (5 Âm nhạc, 17 Thể dục);

- Hợp đồng giáo viên còn thiếu:

+ Giáo viên mầm non: 111 người;

+ Giáo viên Tiểu học: 15 GV Văn hóa;

+ Giáo viên THCS: 115 người (Văn-Sử-Địa-GDCD: 81;Toán–Lý-Tin: 4; Sinh-Hóa: 27; Thể dục 2; Âm nhạc: 1).

+ Giáo viên THPT: 51 người (Tiếng Anh: 0; Tin học: 1; KTCN: 17; KTNN: 10; TD: 6; GDQP: 17)

- Cử đi đào tạo, bồi dưỡng dạy chương trình, sách giáo khoa mới (chia từ 3 đến 4 khóa): Giáo viên Tiểu học (lớp 3) và THCS (lớp 7), THPT (lớp 10);

- Xem xét cho thôi việc, chuyển việc, giải quyết chế độ, chính sách cho GV THCS, THPT dôi dư.

**Năm 2021**

\* Đối với nhân viên

- Về điều chuyển, bồi dưỡng văn bằng 2: Như năm 2018

- Hợp đồng 46 nhân viên thư viện trường TH (34), THCS (11) còn thiếu.

\* Đối với giáo viên

Sau khi tính toán theo tỷ lệ trên, cân đối số GV môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục) thừa, thiếu giữa bậc TH và THCS:

- Chuyển giáo viên Tiểu học dôi dư đến dạy THCS còn thiếu: 1 GV Tiếng anh;

- Hợp đồng giáo viên còn thiếu:

+ Giáo viên mầm non: 120 người;

+ Giáo viên Tiểu học: 112 người (Văn hóa: 109; Âm nhạc: 2; Thể dục 1).

+ Giáo viên THCS: 169 người (Văn-Sử-Địa-GDCD: 63;Toán–Lý-Tin: 53; Tiếng Anh: 13; Sinh-Hóa: 22; Thể dục 14; Âm nhạc: 4).

+ Giáo viên THPT: 51 người (KTCN: 16; KTNN: 10; TD: 8; GDQP: 17)

- Cử đi đào tạo, bồi dưỡng dạy chương trình, sách giáo khoa mới (chia từ 3 đến 4 khóa): Giáo viên Tiểu học (lớp 4) và THCS (lớp 8), THPT (lớp 11);

- Xem xét cho thôi việc, chuyển việc, giải quyết chế độ, chính sách cho GV THCS, THPT dôi dư.

**Tổng hợp xử lý nhân viên điều chuyển, đào tạo văn bằng 2, hợp đồng:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thời gian thực hiện theo năm** | | | |
| **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Chuyển vị trí việc làm, tinh giản biên chế nhân viên kế toán sau sắp xếp, bố trí | 358 | 0 | 0 | 0 |
| Chuyển NV Y tế BC về UBND cấp xã | 416 | 0 | 0 | 0 |
| Chấm dứt HĐLĐ 240 NV KT trường MN | 160 | 0 | 0 | 0 |
| Chấm dứt HĐLĐ 240 NV YT trường MN | 117 | 0 | 0 | 0 |
| Đào tạo văn bằng 2 trung cấp thư viện | 20 | 0 | 0 | 0 |
| Hợp đồng nhân viên thư viện | 38  (TH: 33, THCS: 5) | 44  (TH: 34, THCS: 10) | 45  (TH: 34, THCS: 11) | 46  (TH: 34, THCS:12) |

**Tổng hợp xử lý giáo viên điều chuyển, bồi dưỡng, đào tạo văn bằng 2, hợp đồng:**

| **Nội dung** | **Môn** | **Thời gian thực hiện theo năm** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Chuyển giáo viên THCS dạy tiểu học | Âm nhạc | 14 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tin học | 0 | 1 | 0 | 0 |
| Thể dục | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chuyển giáo viên Tiểu học đến dạy THCS | Âm nhạc | 0 | 0 | 5 |  |
| Tiếng Anh | 0 | 0 | 0 | 1 |
| Tin học | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Thể dục | 0 | 4 | 17 | 0 |
| Bồi dưỡng nâng chuẩn để dạy MT THPT và nghiệp vụ sư phạm để dạy TA cho THCS | Mỹ thuật (MT) | 64 |  |  |  |
| Tiếng Anh (TA) | 26 | 0 |  |  |
| Bồi dưỡng GV tư vấn tâm lý, sinh lý, nghề nghiệp cho trường MN, TH, THCS, THPT CL (713 người cho 713 trường) | Tư vấn | 713 | 0 |  |  |
| Bồi dưỡng theo chương trình, sách giáo khoa mới | Tiểu học | 1197 | 1197 | 1236 | 1240 |
| Trung học cơ sở | 0 | 1269 | 1335 | 1347 |
| Trung học phổ thông | 0 | 0 | 839 | 839 |
| Hợp đồng giáo viên mầm non | Mầm non | 945 | 572 | 111 | 120 |
| Hợp đồng giáo viên tiểu học | Văn hóa | 343 | 418 | 15 | 109 |
| Âm nhạc | 14 | 14 | 0 | 2 |
| Tiếng Anh | 0 | 64 | 0 | 0 |
| Thể dục | 0 | 0 | 0 | 1 |
| **Cộng hợp đồng TH** |  | **357** | **496** | **15** | **112** |
| Hợp đồng giáo viên THCS | Toán- Lý, Toán – Tin | 0 | 0 | 4 | 53 |
| Sinh-Hóa | 21 | 33 | 27 | 22 |
| Văn-Sử-Địa-GDCD | 0 | 65 | 81 | 63 |
| Âm nhạc | 0 | 5 | 1 | 4 |
| Tiếng Anh | 0 | 0 | 0 | 12 |
| Thể dục | 0 | 0 | 2 | 14 |
| **Cộng hợp đồng THCS** |  | **21** | **98** | **135** | **168** |
| Hợp đồng giáo viên THPT | Tiếng Anh | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Tin học | 5 | 1 | 1 | 0 |
| Kỹ thuật công nghiệp | 17 | 16 | 17 | 16 |
| Kỹ thuật nông nghiệp | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Thể dục | 0 | 6 | 6 | 8 |
| Giáo dục Quốc phòng | 19 | 17 | 17 | 17 |
| **Cộng hợp đồng THPT** |  | **52** | **50** | **51** | **51** |
| Xem xét cho thôi việc, chuyển việc, giải quyết chế độ, chính sách cho số GV dôi dư THCS (nếu không đi đào tạo chuyển đổi môn, chuyển cấp giảng dạy) | Toán- Lý, Toán-Tin | 126 | 59 | 0 | 0 |
| Thể dục | 16 | 0 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 39 | 29 | 19 | 12 |
| Tiếng Anh | 51 | 26 | 3 | 0 |
| Âm nhạc | 14 | 0 | 0 | 0 |
| Mỹ thuật | 44 | 40 | 34 | 30 |
| Văn-Sử- Địa-GDCD | 30 | 0 | 0 | 0 |
| **Cộng giải quyết dôi dư THCS** | | **320** | **154** | **53** | **42** |
| Xem xét cho thôi việc, chuyển việc, giải quyết chế độ, chính sách cho số GV dôi dư THPT (nếu không đi đào tạo chuyển đổi môn dạy) | Ngữ văn | 18 | 23 | 17 | 15 |
| Lịch sử | 19 | 23 | 23 | 23 |
| Địa lý | 12 | 13 | 13 | 13 |
| Toán | 13 | 15 | 13 | 14 |
| Vật Lý | 22 | 25 | 25 | 26 |
| Hóa học | 8 | 13 | 11 | 11 |
| Sinh học | 23 | 27 | 26 | 27 |
| Giáo dục công dân | 16 | 19 | 18 | 18 |
| Tiếng Anh | 0 | 0 | 4 | 5 |
| **Cộng giải quyết dôi dư THPT** | | **131** | **168** | **150** | **182** |

Khi có chủ trương mới của cấp có thẩm quyền về biên chế, số lượng và cơ cấu đội ngũ thì xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định.

**3. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

a) Hoàn thành quy hoạch chi tiết các trường học. Căn cứ dự báo quy mô học sinh đến năm 2025 và những năm tiếp theo để có quy hoạch khuôn viên trường học hợp lý, đảm bảo có diện tích đất để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục. Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường học.

b) Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; trước mắt tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các hạng mục chính, thiết yếu như: Phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng chức năng, thư viện và các hạng mục công trình như sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh, nước sạch.

Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng bồi dưỡng nhân tài trong thời kỳ mới.

c) Tổ chức rà soát, bổ sung trang thiết bị dạy học, phát huy tốt công năng của những thiết bị đã đầu tư, không để xảy ra tình trạng lãng phí. Trang bị trước các thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, nhất là các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, đồ chơi ngoài trời và thiết bị làm quen với tin học cho trẻ em. Thiết bị tối thiểu của các trường phổ thông trước mắt vẫn sử dụng thiết bị cũ, tạm thời sửa chữa, thay thế (nếu thực sự cần thiết); có kế hoạch trang bị cụ thể khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới. Sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên.

**4. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; triển khai thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa mới**

a) Đẩy mạnh việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông, điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình cụ thể của các nhà trường, từng đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

b) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Chú trọng dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tự phát triển năng lực; khắc phục lối truyền thụ một chiều, ghi nhớ máy móc. Áp dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học tiên tiến đã triển khai. Tổ chức các hình thức học tập phong phú, đa dạng; quan tâm tổ chức các hoạt động xã hội, ngoại khoá, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

c) Đổi mới việc đánh giá kết quả giáo dục. Kết hợp đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các cuộc thi như: Thi giáo viên dạy giỏi, thi học sinh giỏi đảm bảo chính xác, khách quan, không gây áp lực nặng nề cho giáo viên và học sinh, không chạy theo thành tích.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, ngành học; nhất là chất lượng các lớp đầu cấp tiểu học, THCS, cuối cấp THPT. Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh đảm bảo thiết thực, hấp dẫn, hiệu quả; tăng cường công tác giáo dục thể chất cho học sinh. Triển khai đồng bộ việc dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới tại tất cả các trường phổ thông, bố trí đủ giáo viên dạy tiếng Anh tiểu học theo chương trình 4 tiết tuần từ lớp 3; khuyến khích hợp đồng giáo viên người nước ngoài tham gia dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông. Tiếp tục thực hiện tốt dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học; khuyến khích các trường THCS, THPT dạy tăng buổi để tổ chức các hoạt động giáo dục như: trải nghiệm sáng tạo, thực hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, đọc sách tại thư viện....Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình và chất lượng các giờ dạy chính khoá.

e) Tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới từ năm học 2019-2020; làm tốt công tác tuyền truyền, quán triệt, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và hiểu biết của CBQL, giáo viên về chương trình mới để tránh thụ động, lúng túng, máy móc khi triển khai; chủ động triển khai các hoạt động chuyên môn theo chỉ đạo của Bộ GDĐT, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, từng nhà trường.

**5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục**

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục, thực hiện tốt phân cấp quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị trường học và các cơ sở giáo dục; tạo động lực để cán bộ giáo viên tự giác, tự chủ đối với các hoạt động chuyên môn thông qua một cơ chế khoa học, chặt chẽ, lấy hiệu quả giáo dục làm thước đo để đánh giá sự cống hiến và phân phối lợi ích.

- Nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên viên tại Sở GDĐT và các phòng GDĐT ngày càng chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nhằm tạo ra một cơ chế quản lý gọn nhẹ, hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục.

- Thực hiện tốt các chủ trương về công khai chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục, tài chính của các cơ sở giáo dục, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả giáo dục; thực hiện chế độ tài chính đúng quy định. Chấm dứt các hiện tượng lạm thu, thu sai quy định dưới các danh nghĩa, hình thức khác nhau.

- Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm học thêm trong và ngoài nhà trường; đẩy mạnh kiểm tra và xử lý nghiêm túc các tổ chức và cá nhân mở lớp dạy thêm trái phép.

- Tích cực đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Kết hợp giữa kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất, tạo nề nếp chủ động trong dạy học và hoạt động thường xuyên ở cơ sở, hạn chế hiện tượng đối phó trong hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công khai hóa kết quả kiểm định, thanh tra, kiểm tra đánh giá. Phát huy tốt vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng trong hoạt động quản lý.

**6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các tổ chức, cá nhân cùng chung tay phát triển sự nghiệp giáo dục:

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục mầm non và phổ thông, thành lập các trường học, nhóm lớp tư thục, các trung tâm ngoại ngữ, tin học; tạo thuận lợi và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Củng cố và nâng chất lượng hoạt động của Hội đồng giáo dục các cấp, nhất là cấp xã (phường, thị trấn); trong đó, trách nhiệm thuộc về UBND các cấp, với sự tham mưu tích cực của ngành giáo dục và đào tạo. Phát huy sự hỗ trợ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đặc biệt là của Hội Khuyến học và Hội cựu giáo chức trong công tác giáo dục, từ đó vận động quần chúng cùng tham gia đóng góp theo khả năng của mình vào công tác giáo dục tại địa phương. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện các công việc như đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng phong trào xã hội học tập, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, phong trào khuyến học, khuyến tài ...

- Tổ chức lại hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập trung chú trọng thực hiện nhiệm vụ tham gia huy động trẻ đến trường, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, kèm cặp học sinh yếu kém, vận động học sinh đã bỏ học trở lại học tập; giúp đỡ học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác.

- Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ động. Thực hiện công khai các hoạt động giảng dạy của nhà trường, kết quả học tập của học sinh bằng nhiều hình thức: Họp phụ huynh định kỳ, thông tin trên trang web, liên lạc trực tiếp đến gia đình… Cải tiến nội dung các cuộc họp với Cha mẹ học sinh, coi trọng việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh và học sinh đối với các hoạt động giáo dục, nhất là các ý kiến khác với kết quả đánh giá và định hướng của trường để có giải pháp sửa đổi, bổ sung phù hợp, kịp thời.

- Xây dựng cơ chế giám sát giữa các lực lượng xã hội tại địa phương với nhà trường trong tất cả các hoạt động, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động toàn diện của nhà trường.

- Cùng với việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, các trường chủ động kêu gọi xã hội hóa để tăng cường cơ sở vật chất trường học, bổ sung trang thiết bị dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**7. Ban hành và thực hiện tốt các chính sách về giáo dục - đào tạo**

Thực hiện kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách hiện hành đối với giáo dục. Ban hành một số chính sách để phát triển giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo như sau:

a) Chính sách tinh giản biên chế:

- Hỗ trợ đối tượng quy định tại khoản 4 điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế đối với nam trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi, đối với nữ trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên:

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cách tính lương theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính) cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

- Hỗ trợ người nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội, nhưng không đủ điều kiện tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP:

+ Được trợ cấp 3 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Được trợ cấp 05 tháng tiền lương (cách tính lương theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính) cho hai mươi năm năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

- Chính sách thôi việc ngay đối với những người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ; lao động hợp đồng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ tiền lương, phụ cấp, được cơ quan có thẩm quyền xem xét thì ngoài chính sách theo quy định hiện hành còn được trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm, 1 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

- Chính sách chấm dứt hợp đồng đối với đối tượng hợp đồng lao động được hưởng chính sách theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh đối tượng, mức hưởng, nguồn kinh phí hỗ trợ đối với nhân viên y tế, kế toán làm việc theo chế độ lao động hợp đồng tại các trường mầm non công lập: Được trợ cấp 06 tháng lương hiện hưởng (theo hệ số 1), 03 tháng cho mỗi năm công tác có đóng Bảo hiểm xã hội.

b) Giáo viên, nhân viên hỗ trợ dôi dư có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm và có tuổi đời không quá 50 tuổi đối với giáo viên nam, không quá 45 tuổi đối với giáo viên nữ, dưới 45 tuổi đối với nhân viên hỗ trợ cử đi đào tạo văn bằng 2 được hưởng nguyên lương trong thời gian đi học và được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh.

c) Hỗ trợ giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông được điều động biệt phái giữa các huyện, thành phố, thị xã mỗi tháng bằng 1 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định trong thời gian biệt phái.

d) Học sinh lớp 12 đạt học sinh giỏi nhất, nhì cấp tỉnh các môn văn hóa nếu thi vào học ngành sư phạm (được tuyển thẳng hoặc có điểm đầu vào từ 25 điểm trở lên không kể điểm ưu tiên và không nhân hệ số môn thi), tốt nghiệp sư phạm loại giỏi, có cam kết phục vụ trong ngành giáo dục tối thiểu 10 năm liên tục trở lên được hưởng chính sách theo quy định tại điểm a khoản 9 điều 3 Nghị quyết 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh.

e) Hỗ trợ giáo viên dạy ngoại ngữ có chứng chỉ quốc tế từ IELTS 5.5 hoặc TOEFL ITP 513 điểm trở lên (đối với giáo viên tiểu học), từ IELTS 6.0 hoặc TOEFL ITP 547 điểm trở lên (đối với giáo viên THCS), từ IELTS 6.5 hoặc TOEFL ITP 550 điểm trở lên (đối với giáo viên THPT) một lần 15 triệu đồng. Thời gian thực hiện chính sách từ năm 2018 đến năm 2022, sau năm 2022 thì xem xét thực hiện tinh giản đối với những người chưa có chứng chỉ quốc tế;

f) Hỗ trợ đội ngũ giáo viên nòng cốt cấp tỉnh, cấp huyện để chuẩn bị và triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, cụ thể như sau:

- Hỗ giáo viên nòng cốt cấp tỉnh bằng 0,3 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Số lượng giáo viên nòng cốt cấp tỉnh tối đa: Mầm non 1%, Tiểu học 1%, THCS 1,5%, THPT 3% số giáo viên của từng cấp học trong toàn tỉnh.

- Hỗ trợ giáo viên nòng cốt cấp huyện bằng 0,2 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Số lượng giáo viên nòng cốt cấp huyện tối đa: Mầm non 3%, Tiểu học 3%, THCS 5% số giáo viên của từng cấp học trong toàn huyện.

g) Khen thưởng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh: Giải nhất bằng 4 lần mức lương cơ sở, giải nhì bằng 3 lần mức lương cơ sở, giải 3 bằng 2 lần mức lương cơ sở và giải khuyến khích bằng 1 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm đạt giải;

**III. Kinh phí thực hiện Đề án**

1. Kinh phí đầu tư phát triển: Thực hiện theo các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư của bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện chính sách

Nhu cầu kinh phí từ năm 2018 đến năm 2025: 122.765 triệu đồng, bình quân mỗi năm 17.538 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh

Dự toán cụ thể cho từng chính sách (tính cả giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025) như sau:

| Nội dung chính sách | Số tiền (triệu đồng) | Phân kỳ |
| --- | --- | --- |
| 1. Hỗ trợ tinh giản biên chế | 61.926 | Hàng năm, từ nay đến 2025 |
| 2. Hỗ trợ biệt phái | 17.514 | Hàng năm, từ nay đến 2025 |
| 3. Bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ | 18.000 | Từ nay đến năm 2022 |
| 4. Hỗ trợ giáo viên nòng cốt | 21.835 | Hàng năm, từ nay đến 2025 |
| 5. Khen thưởng giáo viên giỏi | 3.490 | 3 năm một lần |
| 6. Đào tạo văn bằng 2 |  | Đã tính ở NQ 72 |
| 7. Thu hút học sinh đạt giải nhất, nhì |  | Chưa đến thời gian hỗ trợ |
| **Tổng số** | **122.765** |  |

**Phần thứ tư**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành và cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể cho từng năm và giai đoạn để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án. Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Đề án để bổ sung, điều chỉnh cũng như đề ra giải pháp, chính sách đồng bộ, đảm bảo thực hiện tốt Đề án phù hợp với thực tiễn địa phương; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.

**2. Sở Nội vụ:**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu thực hiện phân cấp quản lý giáo dục theo quy định, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và thực hiện tinh giản biên chế, xử lý dôi dư sau khi sắp xếp lại trường lớp theo Đề án.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu qui định về biệt phái giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất cơ chế, nhu cầu đội ngũ, kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện theo quy định của tỉnh trong các giai đoạn.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự trong các trường học.

**3. Sở Tài chính:**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện Đề án.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các trường học. Tập huấn nâng cao năng lực của chủ tài khoản, kế toán trường học.

1. **Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Phối hợp với các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính và các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn để bố trí kinh phí đầu tư phát triển thực hiện Đề án.

**5.** **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt giáo dục thể chất, phòng chống các tệ nạn xã hội trong học đường, gắn với phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường đảm bảo an toàn, lành mạnh, tạo điều kiện để học sinh, sinh viên học tập, rèn luyện phát triển toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ.

**6. Sở Y tế:**

Chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt công tác y tế học đường, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh, góp phần nâng cao thể lực cho thế hệ trẻ tỉnh nhà.

**7. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc quy hoạch, quản lý quỹ đất dành cho giáo dục.

**8. Sở Xây dựng:**

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý xây dựng cơ bản nhằm không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng các công trình trường học theo tiêu chuẩn; Rà soát quy hoạch xây dựng để điều chỉnh bổ sung các công trình, thiết chế giáo dục đào tạo phù hợp quy hoạch Ngành giáo dục.

**9. Uỷ ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:**

- Trên cơ sở Đề án của tỉnh, xây dựng, thống nhất ban hành Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn.

**-** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Giáo dục và Đào tạo và vai trò, tầm quan trọng của Giáo dục và Đào tạo đối với công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Đề án trên địa bàn; trong đó tập trung cao cho việc sắp xếp trường lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp; huy động các nguồn lực đầu tư­ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

**10. Các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:**

Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền kịp thời, thường xuyên đưa tin về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục; phản ánh kịp thời quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

**11. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể thành viên:**

Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thành viên tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của tỉnh./.

Trên đây là Đề án phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu và báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục**

**Đề án Phát triển giáo mục mầm non, phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phụ lục** | **Ký hiệu** |
| 1 | Kết quả thực hiện Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND | 1 |
| 2 | Tổng hợp hiện trạng số trường mầm non và phổ thông | 2a |
| 3 | Tổng hợp hiện trạng quy mô lớp, học sinh | 2b |
| 4 | Tổng hợp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 2c |
| 5 | Kết quả xây dựng cơ sở vật chất giai đoạn 2012-2017 | 2d |
| 6 | Dự báo dân số tỉnh Hà Tĩnh | 3a |
| 7 | Dự báo quy mô học sinh | 3b |
| 8 | Dự báo đội ngũ | 3c |
| 9 | Thực trạng và nhu cầu cơ sở vật chất thiết yếu | 4 |
| 10 | Dự toán kinh phí | 5 |
| 11 | Danh sách các trường ngoài công lập | 6 |
| 12 | Thuyết minh giáo viên nòng cốt và giáo viên giỏi | 7 |